

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	7 - 8
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	9 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

TÀI SẢN		MÃ SỐ	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		532.483.941.807	554.715.149.689
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	108.919.651.325	82.841.204.189
1.	Tiền	111		94.319.651.325	67.341.204.189
2.	Các khoản tương đương tiền	112		14.600.000.000	15.500.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		345.962.067.914	414.248.970.751
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	293.253.299.443	392.733.775.027
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	23.882.897.618	7.969.366.080
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		21.853.950	23.853.950
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	41.205.410.031	26.059.805.933
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.537.830.239)	(12.537.830.239)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		136.437.111	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.7	67.424.857.026	49.928.504.991
1.	Hàng tồn kho	141		67.424.857.026	49.928.504.991
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		10.177.365.542	7.696.469.758
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	4.665.130.028	5.191.062.300
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.732.723.388	2.505.407.458
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		779.512.126	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		MÃ SỐ	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.230.388.652.569	1.266.472.858.793
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		29.343.021.578	29.339.021.578
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	29.343.021.578	29.339.021.578
II.	Tài sản cố định	220		971.270.418.149	957.517.424.697
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	969.346.075.063	955.476.311.484
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.432.552.366.107	2.384.719.331.161
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.463.206.291.044)	(1.429.243.019.677)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	1.480.720.148	1.609.620.188
	<i>Nguyên giá</i>	225		2.741.157.634	2.741.157.634
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.260.437.486)	(1.131.537.446)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	443.622.938	431.493.025
	<i>Nguyên giá</i>	228		1.144.215.000	1.097.685.000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(700.592.062)	(666.191.975)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		6.698.148.143	53.927.632.800
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	6.698.148.143	53.927.632.800
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	172.156.367.587	168.323.945.455
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		173.156.367.587	168.323.945.455
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		50.920.697.112	57.364.834.263
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	50.920.697.112	57.364.834.263
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.762.872.594.376	1.821.188.008.482

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		899.507.752.828	973.187.898.543
I.	Nợ ngắn hạn	310		412.309.088.910	467.959.585.140
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	98.456.433.857	142.695.374.892
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	6.787.931.561	34.859.725
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	8.573.596.297	21.020.878.257
4.	Phải trả người lao động	314		5.872.978.509	8.331.333.808
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	94.724.630.113	44.180.246.678
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	2.028.375.000	2.704.500.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	10.897.449.711	35.063.587.618
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	178.795.714.587	208.947.492.846
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	6.171.979.275	4.981.311.316
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		487.198.663.918	505.228.313.403
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		901.500.000	901.500.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	23.700.000	23.700.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	485.538.659.832	504.303.113.403
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		734.804.086	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

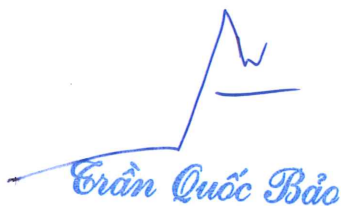
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		MÃ SỐ	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021
D -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		863.364.841.548	848.000.109.939
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.21	863.364.841.548	848.000.109.939
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	265.000.000.000	265.000.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		265.000.000.000	265.000.000.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	210.735.884.686	209.168.303.272
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21a	27.697.380.199	27.631.515.060
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	197.593.498.034	187.738.484.073
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	V.21a	184.288.967.826	65.082.328.770
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	V.21a	13.304.530.208	122.656.155.303
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21a	162.338.078.629	158.461.807.534
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1.762.872.594.376	1.821.188.008.482

Người lập biểu



Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng



Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 01 năm 2021	Quý 01 năm 2020	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 01/2021	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 01/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	262.121.552.502	273.013.931.040	262.121.552.502	273.013.931.040
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		315.067.659	149.395.291	315.067.659	149.395.291
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		261.806.484.843	272.864.535.749	261.806.484.843	272.864.535.749
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	208.750.246.147	227.933.695.422	208.750.246.147	227.933.695.422
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		53.056.238.696	44.930.840.327	53.056.238.696	44.930.840.327
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	314.067.551	385.675.147	314.067.551	385.675.147
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.065.405.004	17.026.324.383	13.065.405.004	17.026.324.383
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.801.117.149	17.024.683.022	12.801.117.149	17.024.683.022
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.832.422.132	6.340.348.770	3.832.422.132	6.340.348.770
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.814.147.237	2.726.092.326	3.814.147.237	2.726.092.326
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	17.140.849.633	14.025.280.755	17.140.849.633	14.025.280.755
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+ 24 - (25+26)}	30		23.182.326.505	17.879.166.780	23.182.326.505	17.879.166.780
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.162.821.823	2.259.023.229	1.162.821.823	2.259.023.229
13. Chi phí khác	32	VI.8	86.409.970	582.328.382	86.409.970	582.328.382
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.076.411.853	1.676.694.847	1.076.411.853	1.676.694.847
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.258.738.358	19.555.861.627	24.258.738.358	19.555.861.627
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.470.899.413	2.397.589.118	3.470.899.413	2.397.589.118
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		734.804.086	(2.378.590.326)	734.804.086	(2.378.590.326)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.053.034.859	19.536.862.835	20.053.034.859	19.536.862.835
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		13.304.530.208	15.711.854.037	13.304.530.208	15.711.854.037
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		6.748.504.651	3.825.008.798	6.748.504.651	3.825.008.798

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Giám đốc



Trần Quốc Bảo



Vũ Quang Tiến



GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)****Cho kỳ kế toán kết từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 01 năm 2021	Quý 01 năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.258.738.359	19.555.861.627
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		34.126.571.494	56.457.783.610
- Các khoản dự phòng	03		1.000.000.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.832.422.132)	-
- Chi phí lãi vay	06		12.801.117.149	17.024.683.022
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		68.354.004.870	93.038.328.259
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		66.055.586.907	23.880.136.905
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.496.352.035)	(4.324.153.904)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13.095.784.137)	(36.400.141.662)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.970.069.423	(7.174.573.708)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27.796.912.148)	(32.990.343.716)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.409.667.038)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		14.138.496.121	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.074.682.708)	(6.728.655.458)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		75.644.759.255	29.300.596.716
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(650.080.289)	(1.157.297.472)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(650.080.289)	(1.157.297.472)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 01 năm 2021	Quý 01 năm 2020
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		57.497.250.546	77.659.168.430
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(106.413.482.376)	(102.459.500.513)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(12.437.825.000)
7. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	37		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(48.916.231.830)	(37.238.157.083)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		26.078.447.136	(9.094.857.839)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		82.841.204.189	82.560.922.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		108.919.651.325	73.466.064.725

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2021

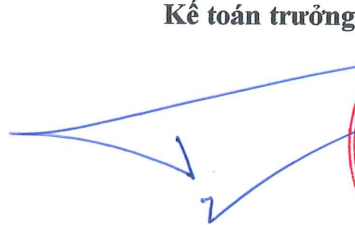
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Quốc Bảo



Vũ Quang Tiến



GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54%	54%	54%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Công ty liên kết này đang trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng dự án cảng Đức Long tại xã Châu Phong và xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư thực hiện dự án 243.269.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 333 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 280 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa tài sản; chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ; chi phí duy tu cảng, đường bãi container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 -10
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn, Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải, truyền dẫn có số năm khấu hao là 5 - 6 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2020
Tiền mặt	1.031.303.746	862.301.832
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	93.288.347.579	66.478.902.357
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ^(*)	14.600.000.000	15.500.000.000
Cộng	108.919.651.325	82.841.204.189

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Tại ngày 31/03/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Đầu tư vào công ty liên kết	158.450.800.000	13.705.567.587	172.156.367.587	158.450.800.000	9.873.145.455	168.323.945.455
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ⁽ⁱ⁾	156.450.800.000	14.705.567.587	171.156.367.587	156.450.800.000	10.873.145.455	167.323.945.455
Công ty Cổ phần Du lịch-Giải trí Sài Gòn Today	2.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	2.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000
Cộng	158.450.800.000	13.705.567.587	172.156.367.587	158.450.800.000	9.873.145.455	168.323.945.455

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/03/2021, Công ty sở hữu 5.046.800 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, giá trị ghi sổ là 156.450.800.000 VND (31.000 VND/cổ phần) tương đương 40,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, không thay đổi so với số đầu năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2020
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>70.618.141.224</i>	<i>98.980.659.315</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	47.058.291.224	81.347.095.815
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	312.100.000	312.100.000
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	19.000.000.000	16.500.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui	2.278.750.000	-
Công Ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	1.969.000.000	821.463.500
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>222.635.158.219</i>	<i>293.753.115.712</i>
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT DUNG QUÁT	7.051.996.895	-
HANARO SHIPPING CO.,LTD	748.950.000	-
CÔNG TY TNHH CẢNG CÔNG-TEN-NƠ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG	12.398.039.674	-
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	32.913.784.789	39.832.688.394
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	13.986.374.678	21.165.016.795
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	40.876.842.877	70.902.965.492
Zhoushan Hongjie Ocean Engineering Co., Ltd,	-	28.963.169.430
Các khách hàng khác	114.659.169.306	132.889.275.601
Cộng	293.253.299.443	392.733.775.027

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2020
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>23.882.897.618</i>	<i>7.969.366.080</i>
Tổng Công Ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	4.934.397.296	3.967.181.680
Bumi Armada Navigation Labuan Limited	9.268.000.000	-
Công ty CP Hàng Hải Sao Biển	712.800.000	-
KONGSBERG MAITIME BENELUX BV	917.264.797	-
CÔNG TY TNHH SWA VIỆT NAM	555.000.000	555.000.000
Các nhà cung cấp khác	7.495.435.525	3.447.184.400
Cộng	23.882.897.618	7.969.366.080

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	17.451.840.031	-	18.568.228.367	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	17.451.840.031	-	18.568.228.367	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	23.753.570.000	-	7.491.577.566	-
Các khoản ký quỹ	1.321.556.268	-	1.331.836.268	-
Cộng	41.205.410.031	-	26.059.805.933	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	20.848.453.078	-	20.848.453.078	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh (*)	20.848.453.078	-	20.848.453.078	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.494.568.500	-	8.490.568.500	-
Các khoản ký quỹ	8.494.568.500	-	8.490.568.500	-
Cộng	29.343.021.578	-	29.339.021.578	-

(*) Là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con của Tập đoàn), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần để thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác Kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời gian hợp tác là 49 năm kể từ ngày Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bàn giao cơ sở hạ tầng. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 182.240.576.584 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng là 50% tương đương 91.120.288.292 VND. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Tại ngày 31/03/2021		Thời gian quá hạn	Tại ngày 01/01/2021	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Một thành viên Linh Ngọc Ngân	2 - < 3 năm	2.037.066.570	(1.425.946.599)	2 - < 3 năm	2.037.066.570	(1.425.946.599)
	> 3 năm	4.381.490.718	(4.381.490.718)	> 3 năm	4.381.490.718	(4.381.490.718)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thuận Hải	1- < 2 năm	700.000.000	(350.000.000)	1- < 2 năm	700.000.000	(350.000.000)
Jungwon Maritime Pte Ltd	6 tháng - < 1 năm	21.333.438.645	(6.380.392.922)	6 tháng - < 1 năm	21.333.438.645	(6.380.392.922)
Cộng		28.386.533.693	(12.537.830.239)		28.386.533.693	(12.537.830.239)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số đầu kỳ	12.537.830.239	12.537.830.239
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	12.537.830.239	12.537.830.239

7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	65.473.440.728	48.237.107.311
Nguyên liệu, vật liệu	221.683.449	196.731.620
Hàng hóa	1.711.790.321	1.457.629.713
Công cụ, dụng cụ	16.066.838	34.651.649
Thành phẩm	1.875.690	2.384.698
Cộng	67.424.857.026	49.928.504.991

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Chi phí bảo hiểm	3.299.879.640	3.727.192.013
Công cụ, dụng cụ	410.306.407	387.811.560
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	42.227.763	58.063.174
Chi phí sửa chữa	36.714.949	18.908.994
Chi phí khác	876.001.269	999.086.559
Cộng	4.665.130.028	5.191.062.300

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Chi phí sửa chữa tài sản	39.086.567.046	43.841.797.481
Chi phí bảo hiểm	20.900.000	26.600.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.802.764.679	8.192.966.563
Chi phí đăng kiểm	44.232.180	95.129.280
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.756.889.544	1.957.216.056
Chi phí sửa chữa khác	3.209.343.663	3.251.124.883
Cộng	50.920.697.112	57.364.834.263

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	442.962.381.799	1.138.863.926.459	790.535.172.988	11.159.629.660	1.198.220.255	2.384.719.331.161
Mua sắm mới	-	-	48.090.547.673	-	-	48.090.547.673
Giảm khác	-	-	(257.512.727)	-	-	(257.512.727)
Tại ngày 31/03/2021	442.962.381.799	1.138.863.926.459	838.368.207.934	11.159.629.660	1.198.220.255	2.432.552.366.107
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	265.725.984.289	3.559.487.520	10.387.961.559	59.590.909	279.733.024.277
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Tại ngày 01/01/2021	378.500.116.870	706.358.432.314	332.707.446.941	10.695.321.590	981.701.962	1.429.243.019.677
Khấu hao trong năm	396.203.535	18.355.392.012	15.086.449.556	68.080.152	57.146.112	33.963.271.367
Tại ngày 31/03/2021	378.896.320.405	724.713.824.326	347.793.896.497	10.763.401.742	1.038.848.074	1.463.206.291.044
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	64.462.264.929	432.505.494.145	457.827.726.047	464.308.070	216.518.293	955.476.311.484
Tại ngày 31/03/2021	64.066.061.394	414.150.102.133	490.574.311.437	396.227.918	159.372.181	969.346.075.063
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại ngày 01/01/2021	2.741.157.634	(1.131.537.446)	1.609.620.188
Khấu hao trong năm	-	(128.900.040)	(128.900.040)
Tại ngày 31/03/2021	2.741.157.634	(1.260.437.486)	1.480.720.148

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm chương trình máy tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại ngày 01/01/2021	1.097.685.000	(666.191.975)	431.493.025
Mua trong kỳ	46.530.000	-	46.530.000
Khấu hao trong năm	-	(34.400.087)	(34.400.087)
Tại ngày 31/03/2021	1.144.215.000	(700.592.062)	443.622.938

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	448.600.000	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 01/01/2021	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Tại ngày 31/03/2021
Mua sắm tài sản cố định	47.229.484.657	-	(47.229.484.657)	-
Xây dựng cơ bản dở dang ^(*)	6.698.148.143	-	-	6.698.148.143
<i>Dự án 52 – 58 Trần Phú Nha Trang</i>	<i>542.740.734</i>	-	-	<i>542.740.734</i>
<i>Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng</i>	<i>3.013.636.364</i>	-	-	<i>3.013.636.364</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>3.141.771.045</i>	-	-	<i>3.141.771.045</i>
Cộng	53.927.632.800	-	(47.229.484.657)	6.698.148.143

(*) Các dự án dở dang đang chờ hướng dẫn triển khai dự án từ các cơ quan nhà nước trong tháng 4 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Phải trả các bên liên quan	8.811.499.994	12.311.230.611
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.362.787.253	2.291.578.753
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	2.970.000.000	4.851.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Hải sản Trường Sa	2.860.337.041	3.943.571.340
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	579.754.908	818.815.478
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	2.219.360	2.219.360
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	36.401.432	404.045.680
Phải trả các nhà cung cấp khác	89.644.933.863	130.384.144.281
Công ty Cổ phần Tàu dịch vụ Dầu khí HD Marine	12.227.355.921	12.227.355.921
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	5.008.462.392	7.217.756.244
Aussie Offshore Services Limited	13.744.973.998	13.744.973.998
Đình Văn Học	-	10.000.000.000
CÔNG TY TNHH CẢNG CÔNG-TEN-NỎ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG	-	90.131.378
CÔNG TY TNHH BFC VẠN TUỜNG	353.584.000	587.503.104
CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG	306.900.000	290.998.700
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU LAI DKC	566.500.000	566.500.000
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI DUNG QUẤT	353.496.000	375.100.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Đại Huệ	1.370.051.050	1.653.501.126
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thực phẩm Đông Nam	928.952.602	1.622.650.862
Bà Đặng Thị Cúc	874.594.160	1.088.095.300
Các nhà cung cấp khác	53.910.063.740	80.919.577.648
Cộng	98.456.433.857	142.695.374.892

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ LOGISTICS VÀ TÀU BIỂN HẢI HUY OFFSHORE	924.400.000	-
Các nhà cung cấp khác	5.863.531.561	34.859.725
Cộng	6.787.931.561	34.859.725

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 31/03/2021
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.569.522.588	12.237.752.538	9.521.212.901	4.286.062.225
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.015.654.926	6.015.654.926	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	91.737.474	91.737.474	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	18.424.327.717	3.221.077.887	18.409.667.038	3.235.738.566
Thuế thu nhập cá nhân	483.173.575	2.859.143.283	2.676.153.331	666.163.527
Thuế môi trường	-	-	-	-
Thuế nhà thầu	543.854.377	106.584.599	264.806.997	385.631.979
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.308.054	24.308.054	-
Cộng	21.020.878.257	24.559.258.761	37.006.540.721	8.573.596.297

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Phải trả các bên liên quan	9.226.995.620	8.940.632.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất	9.226.995.620	8.940.632.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	85.497.634.493	35.239.614.678
Lãi vay phải trả	4.722.714.862	18.647.745.723
Chi phí thuê tàu phải trả	33.985.831.594	10.268.037.074
Chi phí nhiên liệu phải trả	25.423.475.383	852.327.128
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	21.365.612.653	5.471.504.753
Cộng	94.724.630.113	44.180.246.678

17. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam	2.028.375.000	2.704.500.000
Cộng	2.028.375.000	2.704.500.000

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Phải trả các bên liên quan	1.068.537.730	24.833.658.409
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	21.654.608.072
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.068.537.730	3.179.050.337
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	9.828.911.981	10.229.929.209
Kinh phí công đoàn	297.919.669	291.416.895
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	631.835.206	312.758.593
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.725.700.000	5.565.699.000
Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart Đà Nẵng - Nhận vốn hợp tác kinh doanh (*)	1.771.607.000	1.772.480.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.401.850.106	2.287.574.721
Cộng	10.897.449.711	35.063.587.618

18b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Vay ngắn hạn Ngân hàng	126.003.083.181	126.936.301.614
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	41.009.601.400	30.631.735.400
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú ⁽ⁱⁱ⁾	14.462.668.261	36.025.417.685
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	70.530.813.520	60.279.148.529
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	52.537.800.000	81.625.894.140
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	254.831.406	385.297.092
Cộng	178.795.714.587	208.947.492.846

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 2143/2038/N/CTD ngày 16/11/2020 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 50 tỷ VND, thời hạn vay đến 30/09/2021. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền yêu cầu thanh toán, quyền được bồi thường thiệt hại, quyền hưởng bảo hiểm phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine); cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB với tổng giá trị 3.500.000.000 VND; thế chấp Cầu RTG 6 + 1.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú theo Hợp đồng tín dụng ngày 12/12/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80 tỷ VND, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được bảo đảm bằng các tàu TAN CANG 63, TAN CANG 66 và TC Royal; 03 cầu Kock.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo hợp đồng tín dụng ngày 30/09/2020 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80 tỷ VND, thời hạn vay đến 30/09/2021. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sở hữu tài sản là 02 cầu bờ Container hiệu Kocks.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	274.052.507.869	272.237.536.440
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	81.209.936.437	77.073.536.437
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa ⁽ⁱ⁾	192.842.571.432	195.164.000.003
Vay dài hạn các cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	210.900.000.000	231.479.425.000
Nợ thuê tài chính ⁽ⁱⁱⁱ⁾	586.151.963	586.151.963
Cộng	485.538.659.832	504.303.113.403

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng tín dụng ngày 28 tháng 11 năm 2017 và ngày 14 tháng 3 năm 2019 với hạn mức cho vay VND tương đương 1.400.000 USD và 3.220.000 USD, giải ngân VND theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay để đầu tư tàu Olympic Progress và tàu Armada Tuah 304. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 từ 8,1% đến 9,6% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng ngày 12 tháng 6 năm 2018 để đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer. Tổng số tiền vay 317.514.000.000 VND, thời hạn cho vay 106 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 106 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 từ 7,7% đến 9,3% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng hai cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer.
- (iii) Là khoản vay dài hạn các cá nhân khác để tăng cường vốn cho hoạt động offshore, lãi suất cố định 9%/năm và khoản vay dài hạn các cá nhân để đầu tư mua tàu, đầu tư thiết bị ROV và đầu tư vào dự án Cầu Kocks, lãi suất từ 9% đến 25%/năm tùy từng loại hình đầu tư.
- (iv) Nợ thuê tài chính Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng ký kết năm 2018. Tài sản thuê là các phương tiện vận tải (xe ô tô) với số tiền cho thuê là 1.127.272.727 VND, thời hạn thuê từ 36 tháng đến 48 tháng, tùy từng hợp đồng.
Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01/01/2021	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tại ngày 31/03/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.805.603.205	14.138.496.121	(11.058.939.273)	5.885.160.053
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.175.708.111	-	(1.888.888.889)	286.819.222
Cộng	4.981.311.316	14.138.496.121	12.947.828.162	6.171.979.275

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Năm trước						
Tại ngày 01/01/2020	265.000.000.000	172.424.805.950	164.864.029.291	27.643.218.416	148.940.644.910	778.872.698.567
Phát hành cổ phiếu bằng tiền	-	-	(507.227.902)	-	1.732.000.000	1.732.000.000
Phân phối lợi nhuận tại công ty Quế Võ	-	-	138.260.930.662	-	21.076.707.981	159.337.638.643
Lợi nhuận trong năm	-	-	(60.950.000.000)	-	(12.258.384.000)	(73.208.384.000)
Chia cổ tức	-	35.772.134.421	(50.080.988.190)	-	-	(14.308.853.769)
Trích lập các quỹ tại công ty mẹ	-	-	(1.788.606.721)	-	-	(1.788.606.721)
Trích kinh phí hoạt động HĐQT, BKS	-	971.362.901	(1.794.735.763)	69.296.644	(705.632.966)	(1.459.709.184)
Trích lập các quỹ tại công ty con	-	-	(264.917.304)	-	(254.528.391)	(519.445.695)
Thù lao ban điều hành tại công ty con	-	-	-	(81.000.000)	(69.000.000)	(150.000.000)
Quý khen thưởng phúc lợi tại công ty con	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	265.000.000.000	209.168.303.272	187.738.484.073	27.631.515.060	158.461.807.534	848.000.109.939
Năm nay						
Tại ngày 01/01/2021	265.000.000.000	209.168.303.272	187.738.484.073	27.631.515.060	158.461.807.534	848.000.109.939
Lợi nhuận trong năm	-	-	13.304.530.208	-	6.748.504.651	20.053.034.859
Phân phối lợi nhuận tại công ty Quế Võ	-	-	10.873.145.455	-	-	10.873.145.455
Trích lập các quỹ tại công ty con	-	1.567.581.414	(1.416.862.110)	-	(2.872.233.556)	(2.721.514.252)
Trích lập các quỹ tại công ty mẹ	-	-	(12.084.001.906)	-	-	(12.084.001.906)
Trích kinh phí hoạt động HĐQT, BKS	-	-	(409.825.206)	-	-	(409.825.206)
Trích kinh phí hoạt động HĐQT, BKS tại công ty con	-	-	(411.972.480)	222.465.139	-	(189.507.341)
Chi kinh phí hoạt động HĐQT, BKS	-	-	-	(156.600.000)	-	(156.600.000)
Tại ngày 31/03/2021	265.000.000.000	210.735.884.686	197.593.498.034	27.697.380.199	162.338.078.629	863.364.841.548

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	93.492.000.000	93.492.000.000
Các cổ đông khác	171.508.000.000	171.508.000.000
Cộng	265.000.000.000	265.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	26.500.000	26.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	26.500.000	26.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.500.000	26.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 01/2021	Quý 01/2020
Doanh thu dịch vụ tàu	118.254.245.862	146.194.557.983
Doanh thu khai thác cảng	53.393.891.709	44.797.937.502
Doanh thu dịch vụ cung ứng	41.849.088.987	29.512.417.977
Doanh thu dịch vụ quản lý khách sạn	1.757.499.182	5.110.322.341
Doanh thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh	3.088.645.911	3.088.645.911
Doanh thu bán hàng hóa	17.326.272.468	33.464.276.358
Doanh thu dịch vụ khác	26.451.908.383	10.845.772.968
Cộng	262.121.552.502	273.013.931.040

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 01/2021	Quý 01/2020
Giá vốn dịch vụ thuê tàu	112.145.395.594	111.439.453.827
Giá vốn khai thác cảng	26.282.454.215	42.968.200.787
Giá vốn dịch vụ cung ứng	40.484.473.178	25.343.432.312
Giá vốn dịch vụ quản lý khách sạn	2.800.577.030	5.925.077.880
Giá vốn từ hoạt động hợp tác kinh doanh	1.839.538.275	1.815.655.776
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.984.677.083	30.866.846.358
Doanh thu dịch vụ khác	14.213.130.772	9.575.028.482
Cộng	208.750.246.147	227.933.695.422

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 01/2021	Quý 01/2020
Lãi tiền gửi ngân hàng	185.808.320	385.675.147
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	128.259.231	-
Cộng	314.067.551	385.675.147

4. Chi phí tài chính

	Quý 01/2021	Quý 01/2020
Chi phí lãi vay	12.801.117.149	17.024.683.022
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	264.287.855	1.641.361
Cộng	13.065.405.004	17.026.324.383

5. Chi phí bán hàng

	Quý 01/2021	Quý 01/2020
Chi phí nhân viên quản lý	2.159.798.402	2.319.854.703
Chi phí đồ dùng văn phòng	314.134.398	47.398.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	523.132.316	69.097.000
Chi phí bằng tiền khác	817.082.121	289.741.625
Cộng	3.814.147.237	2.726.092.326

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 01/2021	Quý 01/2020
Chi phí nhân viên quản lý	9.544.796.445	8.697.126.622
Chi phí đồ dùng văn phòng	430.436.110	238.846.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	428.499.366	527.491.021
Thuế, phí và lệ phí	86.159.946	53.441.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.881.534.650	3.197.556.467
Chi phí bằng tiền khác	2.769.423.116	1.310.818.135
Cộng	17.140.849.633	14.025.280.755

7. Thu nhập khác

	Quý 01/2021	Quý 01/2020
Thu nhập khác	1.162.821.823	2.259.023.229
Cộng	1.162.821.823	2.259.023.229

8. Chi phí khác

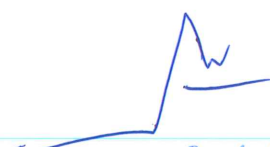
	Quý 01/2021	Quý 01/2020
Chi phí khác	86.409.970	582.328.382
Cộng	86.409.970	582.328.382

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Giám đốc


Trần Quốc Bảo


Vũ Quang Tiến



GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc